

PHỤ LỤC SỐ 09
BẢN TỔNG HỢP NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC XUẤT PHÁT TỪ QUY ĐỊNH
CỦA PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số 66/BC-BTP ngày 20/3/2015 của Bộ Tư pháp)

1. Những khó khăn, vướng mắc chủ yếu về xử phạt VPHC

1.1. Những khó khăn, vướng mắc xuất phát từ quy định của Luật XLVPHC:

1.1.1. Một số quy định của Luật XLVPHC chưa phù hợp với thực tiễn:

- Vấn đề thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC bị giới hạn bởi thẩm quyền phạt tiền: Từ Điều 38 đến Điều 51 Luật XLVPHC quy định thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC bị giới hạn theo thẩm quyền phạt tiền làm phát sinh nhiều vụ việc vi phạm vượt quá thẩm quyền xử phạt của cơ quan cấp dưới bị dồn lên cơ quan cấp trên giải quyết, không bảo đảm tính kịp thời, nhanh chóng trong việc xử phạt¹.

- Về biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính: Điều 122 Luật XLVPHC quy định chỉ được áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác. Tuy nhiên, việc quy định những trường hợp được áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính như vậy vẫn quá hạn hẹp, gây khó khăn cho quá trình áp dụng, vì trong thực tế, nhiều trường hợp đối tượng có nhiều hành vi vi phạm khác nhau như đánh bạc, trộm cắp tài sản..., cơ quan Công an cần có thời gian để xác minh, làm rõ hành vi, hậu quả, thiệt hại, đặc biệt là xác minh về nhân thân của các đối tượng vi phạm để xử lý theo đúng quy định pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm (nhất là đối với những tội có quy định đã bị XPVC về các hành vi trên) nhưng đối tượng lại không có nơi cư trú ổn định, nếu không tạm giữ hành chính thì đối tượng bỏ trốn, gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý về sau. Ngoài ra, trường hợp vi phạm thường xuyên diễn ra trên thực tế hiện nay là các đối tượng có các hành vi chống lại người thi hành công vụ. Nếu không tạm giữ theo thủ tục hành chính thì sẽ khó có thể xử phạt hành chính đối với họ². Đây cũng là khó khăn, bất cập trong việc quản lý người vi phạm để bảo đảm cho công tác XPVPHC.

- Khoản 9 Điều 125 Luật XLVPHC quy định: trong biên bản tạm giữ phải có cả chữ ký của người ra quyết định tạm giữ và người ra quyết định tạm giữ phải ký đóng dấu vào quyết định tạm giữ. Điều này không phù hợp thực tế vì: Thứ nhất, biên bản tạm giữ phải lập ngay trong cuộc thanh tra, kiểm tra và phải giao ngay cho đối tượng bị tạm giữ trong khi người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ không tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra nên việc ký vào biên bản tạm giữ không thể thực hiện

¹ Bộ Tài chính

² Hà Tĩnh, Tiền Giang, Kiên Giang, Đắk Lắk, Cà Mau, Bộ Quốc phòng, Hải Phòng, Điện Biên

được; Thứ hai, trên thực tế có trường hợp người ra quyết định tạm giữ tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra có thể ký vào biên bản tạm giữ nhưng cũng không thể đóng dấu vì do đoàn thanh tra, kiểm tra không thể mang theo con dấu mà cũng không thể mang biên bản tạm giữ về trụ sở cơ quan đóng dấu và gửi lại sau cho đối tượng bị tạm giữ, như vậy là không phù hợp với quy định về việc phải giao biên bản tạm giữ ngay cho đối tượng.

- Việc khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC: Theo quy định tại khoản 2 Điều 129 thì trong trường hợp khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC là chỗ ở thì phải được sự đồng ý của Chủ tịch UBND cấp huyện. Quy định này không khả thi và gây khó khăn cho việc khám xét, vì để có được sự đồng ý của Chủ tịch UBND cấp huyện thì thông thường phải mất từ 01-02 ngày (đối với những Đoàn Biên phòng ở vùng sâu, vùng xa, giao thông không thuận tiện)³.

1.1.2. Một số quy định của Luật XLVPHC chưa cụ thể, rõ ràng, dẫn đến nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau:

- Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới quyết định xử phạt: Khoản 3 Điều 18 Luật XLVPHC quy định: *“Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền XLVPHC có trách nhiệm phát hiện quyết định về XLVPHC do mình hoặc cấp dưới ban hành có sai sót và phải kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, ban hành quyết định mới theo thẩm quyền”*. Tuy nhiên, Luật XLVPHC cũng như Nghị định số 81/2013/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể về thủ tục, nội dung, biểu mẫu, những trường hợp nào phải sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới quyết định xử phạt... dẫn đến những khó khăn, lúng túng trong triển khai áp dụng.

- Về thời hạn ra quyết định xử phạt: Tại khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC quy định thời hạn ra quyết định XPVPHC là 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản VPHC. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản; trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp thì được xin gia hạn, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày. Tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể thế nào là vụ việc “có nhiều tình tiết phức tạp”, do đó cách hiểu và áp dụng quy định này tại mỗi địa phương có sự khác nhau.

- Vấn đề thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC của tổ chức: Khoản 1 Điều 52 Luật XLVPHC quy định thẩm quyền xử phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần đối với cá nhân, trong khi đó, thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC lại được xác định theo mức tiền phạt (được quy định đối với cá nhân VPHC). Như vậy, có thể hiểu thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện của tổ chức VPHC cũng gấp 02

³ Bộ Quốc phòng

lần giống như thẩm quyền phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân không. Do Luật XLVPHC chưa quy định rõ về vấn đề này nên hiện nay có hai cách hiểu và áp dụng khác nhau⁴: (i) thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC đối với hành vi VPHC của tổ chức được xác định theo giá trị tang vật, phương tiện và bằng mức phạt tiền áp dụng đối với hành vi VPHC của cá nhân; (ii) thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện VPHC được xác định như thẩm quyền phạt tiền, tức là, thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện đối với tổ chức VPHC cũng gấp 02 lần đối với cá nhân VPHC.

- Vấn đề giao quyền: Luật XLVPHC đã quy định vấn đề giao quyền xử phạt cho cấp phó tại Điều 54 (Giao quyền xử phạt); khoản 2 Điều 87 (Cưỡng chế thi hành quyết định XPVPHC); khoản 2 Điều 123 (Tạm giữ người theo thủ tục hành chính). Tuy nhiên, đối với các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm XPVPHC khác (Tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC; Khám người; Khám phương tiện vận tải, đồ vật; Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện VPHC...), Luật XLVPHC và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP không quy định việc giao quyền cho cấp phó trong việc áp dụng các biện pháp này. Vì vậy, trong quá trình áp dụng quy định của Luật XLVPHC, có nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau về vấn đề này, cụ thể như sau:

+ *Cách hiểu và áp dụng thứ nhất*, Luật XLVPHC chỉ quy định về việc giao quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền trong 03 trường hợp tại Điều 54, khoản 2 Điều 87 và khoản 2 Điều 123). Ngoài 03 trường hợp nêu trên thì cấp trưởng không được giao quyền cho cấp phó. Đây là cách hiểu và vận dụng phổ biến trên thực tế.

+ *Cách hiểu và áp dụng thứ hai*, cấp trưởng được giao quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền của mình trong tất cả các quyết định liên quan đến việc XPVPHC để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn áp dụng như trường hợp cấp trưởng vắng mặt, bị ốm đau, nghỉ phép dài ngày..., không thể thực hiện thẩm quyền của mình. Nếu không được giao quyền thì thực tế sẽ làm “bó tay” các cơ quan, lực lượng thực thi pháp luật về XLVPHC.

- Thủ tục định giá tang vật: Điều 60 Luật XLVPHC quy định việc xác định giá trị tang vật VPHC để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt. Tuy nhiên, đối với trường hợp tang vật vi phạm là hàng cấm (pháp nỏ, đồ chơi bạo lực...), hàng thuộc danh mục Cites (ngà voi, sừng tê giác...) sẽ không có căn cứ xác định giá trị do các mặt hàng này không có giá trên thị trường để Hội đồng định giá có thể tham khảo, xác định⁵.

- Về quy định xử lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo thủ tục hành chính do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để VPHC thuộc trường hợp bị tịch thu: Đối với trường hợp này, khoản 1 Điều 126 Luật XLVPHC quy định tang vật, phương tiện bị

⁴ Bộ Công thương, Lạng Sơn; Quảng Ninh, Tiền Giang, Gia Lai

⁵ Bộ Tài chính

tạm giữ theo thủ tục hành chính do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để VPHC được trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp, còn “*cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước*”. Nhưng tại Điều 21 và Điều 28 của Luật lại không quy định nội dung này là hình thức xử phạt hay biện pháp khắc phục hậu quả. Do đó, chưa có cơ sở cho việc thể hiện nội dung này khi ban hành quyết định XPVPHC. Trong mẫu quyết định XPVPHC được ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP cũng không có nội dung này, cho nên, có địa phương ban hành 01 quyết định riêng (bên cạnh quyết định XPVPHC) trong trường hợp này.

1.2. Những khó khăn, vướng mắc chủ yếu xuất phát từ quy định của các Nghị định quy định chi tiết Luật XLVPHC:

1.2.1. Quy định về các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP sử dụng trong XPVPHC còn nhiều bất cập:

- Thiếu biểu mẫu Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: Nghị định số 81/2013/NĐ-CP hiện không quy định biểu mẫu Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Còn Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định XPVPHC, tại Điều 33, chỉ quy định những nội dung chính cần phải có trong Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả chứ cũng không quy định biểu mẫu cụ thể, cho nên gây ra lúng túng và khó khăn trong việc sử dụng biểu mẫu Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả tại địa phương⁶.

- Mẫu Quyết định số 02 (Quyết định XPVPHC): Mẫu này không phù hợp với thể thức văn bản hành chính quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính, gây lúng túng cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện, dẫn đến việc mỗi địa phương áp dụng theo một cách khác nhau.

- Mẫu biên bản số 01 (Biên bản VPHC): trong phần những người tham gia lập biên bản ký tên có “Đại diện chính quyền” (ký, ghi rõ chức vụ, họ tên) quy định như vậy gây khó khăn trong việc lập Biên bản VPHC vì không phải khi nào lập Biên bản VPHC cũng mời được đại diện chính quyền địa phương.

- Mẫu biên bản số 06 (Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện VPHC): Trong nội dung của mẫu này có phần “*Người ra quyết định xử phạt hoặc quyết định tịch thu*” phải ký vào biên bản. Việc yêu cầu người ra quyết định xử phạt hoặc quyết định

⁶ Quảng Nam, Đồng Nai

tịch thu phải ký vào biên bản cũng rất khó thực hiện, nhất là đối với các vụ việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh⁷.

1.2.2. Những khó khăn, vướng mắc liên quan đến các Nghị định khác:

- Trong 08 tháng đầu năm 2014, một số Nghị định xử phạt lĩnh vực chuyên ngành chưa kịp ban hành, do đó tạo ra những khoảng trống trong quá trình triển khai thi hành Luật (Nghị định về XPVPHC trong lĩnh vực đất đai và tiền tệ, ngân hàng). Mặc dù việc áp dụng văn bản đã theo tinh thần Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 08/7/2013 của Chính phủ nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện thì nhiều trường hợp bị ách tắc do nội dung của các Nghị định chuyên ngành hoặc các biểu mẫu áp dụng kèm theo Nghị định chưa được thay thế không phù hợp với quy định của Luật XLVPHC nên không thể vận dụng được theo quy định tại Nghị quyết 83/ND-CP. Ví dụ: Việc chậm ban hành Nghị định quy định về XPVPHC trong lĩnh vực đất đai (Nghị định số 102/2014/NĐ-CP của Chính phủ về XPVPHC trong lĩnh vực đất đai mới được ban hành ngày 10/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 25/12/2014) dẫn tới nhiều khó khăn khi xử phạt hành vi vi phạm về đất đai đối với tổ chức. Người có thẩm quyền xử phạt không biết áp dụng theo Nghị định số 105/2009/NĐ-CP (xử phạt như cá nhân) hay áp dụng nguyên tắc xử phạt theo điểm e Điều 3 Luật XLVPHC, nếu áp dụng theo Nghị định số 105/2009/NĐ-CP thì trái với Điều 3 của Luật.

- Một số Nghị định quy định về thẩm quyền xử phạt của những người có thẩm quyền xử phạt chung như lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, cơ quan Quản lý thị trường... nhưng không gắn với từng hành vi vi phạm tại các điều, khoản, điểm cụ thể mà chỉ nêu một cách chung chung: những người có thẩm quyền xử phạt thuộc lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi VPHC quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý. Cách quy định như vậy gây nhiều khó khăn cho việc áp dụng pháp luật, dễ dẫn đến việc tình trạng tranh chấp về mặt thẩm quyền hoặc đùn đẩy trách nhiệm giữa các lực lượng chức năng.

2. Một số khó khăn, vướng mắc trong các quy định pháp luật về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

2.1. Về điều kiện áp dụng các biện pháp XLHC:

Quy định về số lần vi phạm bị XPVPHC trong thời hạn quy định 06 tháng là điều kiện áp dụng biện pháp GDTXPTT, đưa vào TGD, CSGDBB có sự không thống nhất giữa Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp XLHC GDTXPTT (Nghị định số 111/2013/NĐ-CP) và Luật XLVPHC⁸. Các Điều 90, 92 và 94 Luật XLVPHC quy

⁷ Hà Nam, Thái Nguyên

⁸ Bình Thuận, Đà Nẵng

định điều kiện áp dụng biện pháp GDTXPTT, đưa vào TGD, CSGDBB là “02 lần trở lên trong 06 tháng” có hành vi vi phạm và bị XPVPHC; Khoản 1, 2 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định: “ít nhất hai lần bị XPVPHC về các hành vi vi phạm đó trong 06 tháng”; Điểm c, đ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP quy định: “trong 06 tháng đã ít nhất hai lần bị XPVPHC về hành vi...”.

Quy định tại các văn bản trên đang khiến các địa phương lúng túng, chưa có sự thống nhất cả về nhận thức và phối hợp thực hiện. Có ý kiến cho rằng, theo quy định của Luật XLVPHC thì từ lần vi phạm thứ ba, đối tượng mới bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính GDTXPTT, đưa vào TGD, CSGDBB; có ý kiến cho rằng, lần vi phạm thứ 2 (lần cuối), ngoài hình thức XPVPHC thì có thể lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp GDTXPTT, đưa vào TGD, CSGDBB; có ý kiến cho rằng, một hành vi vi phạm không thể vừa bị XPVPHC, vừa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, vì như thế sẽ vi phạm nguyên tắc “Một hành vi VPHC chỉ bị xử phạt một lần” được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật XLVPHC.

2.2. Về trình tự, thủ tục:

- Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp GDTXPTT gặp nhiều khó khăn, hạn chế do quy định thời gian của 02 lần vi phạm quá ngắn, rất khó có đối tượng để áp dụng biện pháp này (đồng nghĩa với việc không đủ điều kiện áp dụng các biện pháp chế tài cao hơn: vào TGD, CSGDBB và CSCNBB); nhiều trường hợp đối tượng vi phạm nhiều lần nhưng ở địa phương khác nên khó có thể áp dụng theo quy định “02 lần trở lên trong 06 tháng”; thời hạn áp dụng từ 03-06 tháng là quá ngắn, không bảo đảm thời gian thực hiện biện pháp giáo dục⁹.

- Công tác lập hồ sơ đưa vào TGD, CSGDBB theo Luật XLVPHC cũng quy định số lần vi phạm nhiều hơn và khoảng cách giữa các lần vi phạm cũng ngắn hơn so với quy định trước đây của Pháp lệnh XLVPHC. Qua thực tiễn áp dụng cho thấy, quy định của Luật XLVPHC và các văn bản liên quan về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là chưa thật sự phù hợp. Các đối tượng nghiện ma túy, cần quấy vẫn tiếp tục lách luật để vi phạm, là nguy cơ tiềm ẩn dẫn đến tội phạm. Số thanh thiếu niên vi phạm chưa được giáo dục, răn đe kịp thời trở thành gánh nặng cho xã hội, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và trật tự an toàn xã hội¹⁰.

- Trình tự, thủ tục lập hồ sơ người nghiện ma túy để chuyển sang TAND cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào CSCNBB quá phức tạp, đối tượng nghiện ma túy, có thể bị áp dụng cùng lúc 02 biện pháp: GDTXPTT và cai nghiện ma túy tại cộng đồng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP. Cụ thể, Luật XLVPHC quy định thời gian áp dụng biện pháp GDTXPTT là từ 03 tháng đến 06 tháng, trong khi đó theo quy định của Nghị định số

⁹ Đà Nẵng

¹⁰ Đồng Tháp

94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng, thời hạn cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng là từ 06 tháng đến 12 tháng. Như vậy, trong trường hợp đối tượng đã thực hiện xong biện pháp GDTXPTT mà có hành vi vi phạm tiếp cần phải áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác nhưng chưa thực hiện xong biện pháp cai nghiện ma túy tại cộng đồng nên chưa thể lập hồ sơ. Điều này gây lúng túng và khó triển khai thực hiện trong thực tế¹¹. Ngoài ra, đối với người sau cai nghiện trở về từ các trung tâm bị phát phát hiện tái nghiện thì cũng phải lập hồ sơ lại như ban đầu.

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 103 của Luật XLVPHC và khoản 1 Điều 11 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp XLHC đưa vào CSCNBB thì sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở bắt buộc, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB: khi áp dụng quy định này trên thực tế, nhiều địa phương có ý kiến rằng người nghiện bỏ trốn sau khi nhận được thông báo nên Công an không lập được hồ sơ đề nghị. Đây là một trong những nguyên nhân khó khăn trong việc triển khai thực hiện Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

- Đối với quy định tại Điều 103 Luật XLVPHC và Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP quy định trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB phải có văn bản xác định tình trạng nghiện của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB. Tuy nhiên, hiện nay, chưa có văn bản nào hướng dẫn vấn đề này. Thông tư liên tịch giữa Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể thẩm quyền, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy của người nghiện ma túy mới đang trong quá trình soạn thảo, lấy ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó, thực tế hiện nay lực lượng y, bác sĩ tại Trạm y tế phường chưa được đào tạo, tập huấn về điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy hoặc đã được đào tạo nhưng chưa có trường hợp nào được cấp chứng chỉ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP, vì vậy không có đủ cơ sở pháp lý để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB¹². Chính vì vậy, các địa phương vẫn phải chờ hướng dẫn cụ thể mới tổ chức triển khai thực hiện.

- Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 9 NĐ số 221/2013/NĐ-CP thì trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB phải có “Giấy xác nhận hết thời gian cai nghiện ma túy tại gia đình hoặc cai nghiện ma túy tại cộng đồng” của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc tài liệu chứng minh bị đưa ra khỏi chương trình điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: trên thực tế, nhiều địa phương không triển

¹¹ Thành phố Hồ Chí Minh

¹² An Giang, Thành phố Hồ Chí Minh

khai tổ chức biện pháp cai nghiện tại gia đình và cộng đồng hoặc điều trị nghiện nên không cấp loại giấy này.

- Quy định tại Điều 131 của Luật XLVPHC và Điều 14 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP về việc giao cho gia đình hoặc tổ chức xã hội (đối với người không có nơi cư trú ổn định) quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB không thực hiện được trên thực tế vì việc quản lý số đối tượng này gặp nhiều khó khăn do, nếu để cho gia đình quản lý thì đồng nghĩa với việc đối tượng tiếp tục tiêm chích ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ, vì gia đình của người nghiện không thể và cũng không có nghiệp vụ để quản lý, giúp đối tượng giảm nhu cầu sử dụng ma túy trong thời gian lập hồ sơ; mặt khác, các tổ chức xã hội không đủ khả năng và điều kiện để quản lý người nghiện ma túy. Hơn nữa, cơ chế, chính sách hỗ trợ các tổ chức xã hội thực hiện công việc này chưa được quy định¹³.

¹³ Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Đà Nẵng